

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 597/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh: Trần Minh S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị: Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Minh S và chị Nguyễn Thị Hồng D tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S, chị D bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn nên anh S và chị D đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay anh S và chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Anh S và chị D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh S và chị D.

[2] Về con chung: Anh S và chị D có một con chung tên Trần Nguyễn Minh D sinh ngày 17/02/2012. Sau khi ly hôn, anh S và chị D thỏa thuận, chị D được quyền nuôi con chung. Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh S, chị D khai không có.

[4] Về nợ chung: Anh S, chị D khai không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Chị D tự nguyện nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh S và chị Nguyễn Thị Hồng D thuận tình ly hôn.

Ghi nhận việc anh S, chị D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, chị D được quyền nuôi con chung là Trần Nguyễn Minh D sinh ngày 17/02/2012.

Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích con chung sau này một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị D tự nguyện nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Số tiền chị D phải nộp được khấu trừ theo biên lai thu số 0004705 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

* Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Phụng